TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH XUÂN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17**/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10/6/2019

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: *Bà* **Lưu Thị Hồng Vân**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. *Bà* **Chu Thị Tuyết**

2. *Ông* **Đỗ Quang Linh**

- ***Thư ký phiên tòa***: *Bà* **Hà Phương Ánh Nguyệt**

Ngày 10 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2019/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp "*ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/*2019*/QĐXX-ST ngày *30* tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Trịnh Thị Nh.** – Sinh năm: 1985

Bị đơn: **Anh Nguyễn Huy T. –** Sinh năm: 1985

Cùng nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và địa chỉ cư trú: 1508 N2 D Tr., phường Nh., quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 19 tháng 3 năm 2019, chị Trịnh Thị Nh. có đơn khởi kiện vụ án hôn nhân và gia đình, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị Nh. xin ly hôn với anh Nguyễn Huy T.

Về nuôi con chung: Anh chị hai con chung Nguyễn Huy Kh., sinh ngày 25/3/2009 và Nguyễn Huy Kh2., sinh ngày 27/11/2012. Chị Nh. xin nuôi cả hai con chung, yêu cầu anh T. cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000 đồng/tháng

+ Về tài sản, nhà ở, vay nợ: Không có.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã xuất trình các tài liệu, chứng cứ sau:

1) 01 Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính);

2) 02 CMTND của vợ chồng (bản sao);

3) 02 Giấy khai sinh của con chung (bản sao);

4) 01 Sổ hộ khẩu gia đình (bản sao);

5) 01 đơn xác nhận tình trạng chung sống của vợ chồng

* Quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn – chị Trịnh Thị Nh. trình bày:

Về tình cảm: Chị và anh Nguyễn Huy T. kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 12/12/2008 tại UBND phường Đ., thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng ly thân từ khoảng tháng 01 năm 2018. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh T..

Về con chung: Anh chị có hai con chung là: Nguyễn Huy Kh., sinh ngày 25/3/2009 và Nguyễn Huy Kh2., sinh ngày27/11/2012. Ly hôn nguyện vọng của chị là được nuôi con chung Nguyễn Huy Kh2., anh T. nuôi con chung Nguyễn Huy Kh., không yêu cầu anh T. đóng góp tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Huy T. trình bày:

Anh thừa nhận vợ chồng có đăng ký kết hôn năm 2008. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có quá nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân từ khoảng đầu năm 2018. Chị Nh. xin ly hôn anh không đồng ý vì anh muốn hai con chung có một cuộc sống gia đình trọn vẹn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như chị Nh. trình bày. Hiện con chung Nguyễn Huy Kh. đang ở cùng anh. Nguyện vọng của anh trong trường hợp vợ chồng ly hôn là anh được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Huy Kh., chị Nh. nuôi con chung Nguyễn Huy Kh2..

Về tài sản chung, công nợ chung: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T. không tham gia phiên họp. Ngày 27/5/2019, chị Nh. có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Khoản 4 Điều 207 bộ luật tố tụng Dân sự. Ngày 30/5/2019, tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa ngày hôm nay,

Chị Trịnh Nh. vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Huy T.; Về con chung: Ly hôn nguyện vọng của chị là được nuôi con chung Nguyễn Huy Kh2., anh T. nuôi con chung Nguyễn Huy Kh., không yêu cầu anh T. đóng góp tiền nuôi con chung; Tài sản chung vợ chồng không có và không yêu cầu Toà giải quyết; về công nợ chung: không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Anh Nguyễn Huy T. có đơn xin xét xử vắng mặt, không đồng ý ly hôn; đồng ý để chị Nh. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Huy Kh2., anh T. nuôi con chung Nguyễn Huy Kh.; về tài sản chung, công nợ chung: không có và không yêu cầu Toà giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn có địa chỉ cư trú tại: 1508 N2 D Tr., phường Nh., quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; Do đó vụ án thụ lý thuộc thẩm quyền của TAND quận Thanh Xuân

[2] Về hôn nhân:

Chị Trịnh Thị Nh. và anh Nguyễn Huy T. kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 12/12/2008 tại UBND phường Đ., thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, theo chị Nh.,cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng ly thân từ khoảng tháng 01 năm 2018. Nay chị Nh. xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với anh T..

Quá trình giải quyết vụ án, anh T. không đồng ý ly hôn, theo anh vợ chồng anh chị không có quá nhiều mâu thuẫn nhưng cũng thừa nhận vợ chồng sống ly thân từ khoảng đầu năm 2018.

Điều này thể hiện hôn nhân của anh chị rơi vào tình trạng mâu thuẫn vô cùng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do vậy căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trịnh Thị Nh.; chị Trịnh Thị Nh. được ly hôn với anh Nguyễn Huy T..

[3] Về nuôi con chung: Cả chị Nh. và anh T. đều thống nhất được về việc nuôi con chung. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển cũng như sự ổn định trong cuộc sống của hai cháu và sự tự nguyện của hai anh chị nên giao con chung Nguyễn Huy Kh., sinh ngày 25/3/2009 cho anh T. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao con chung Nguyễn Huy Kh2., sinh ngày27/11/2012 cho chị Nh. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và cùng có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về chia tài sản chung: Anh chị không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Nh. phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Căn cứ vào Điều 28, Điều 147 Khoản 4, Điều 271, Điều 272 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56,81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trịnh Thị Nh. đối với anh Nguyễn Huy T., chị Nh. được ly hôn với anh T..

2- Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Huy Kh., sinh ngày 25/3/2009 cho anh Nguyễn Huy T. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao con chung Nguyễn Huy Kh2., sinh ngày27/11/2012 cho chị Trịnh Thị Nh. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và cùng có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3- Về chia tài sản: Chị Trịnh Thị Nh., anh Nguyễn Huy T. không có và không yêu cầu nên tòa án không giải quyết.

4- Về án phí: Chị Trịnh Thị Nh. phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Nh. đã nộp theo biên lai số 0005920 ngày 08.5.2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

5- Án xử công khai sơ thẩm. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân;
- Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lưu Thị Hồng Vân